

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 412/2021/HS-ST
Ngày: 29 - 10 - 2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Chi – Giáo viên, nguyên Phó Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên Quận 2 (nay là thành phố Thủ Đức).

2. Bà Nguyễn Hương Thủy – Hội Phụ nữ phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 281/2021/HSST ngày 14 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 458/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Hồ Xuân V, sinh năm: 1987, tại Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm A, xã B, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Không có nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Không; con ông Hồ Văn Đ (©) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960; bị cáo là con thứ 02 trong gia đình có 02 chị em; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: Không.

Tiền án:

- Ngày 18/02/2009, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 48/2009/HSST.

- Ngày 01/9/2009, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù tại Bản án số 48/2009/HSST ngày 18/02/2009 của Tòa án dân quận Bình Tân, buộc chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 năm 06 tháng tù theo Bản án số 377/2009/HSST.

- Ngày 21/7/2010, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”, tổng hợp 10 năm 06 tháng tù tại Bản án số 377/2009/HSST ngày 01/9/2009 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc chấp hành hình phạt chung là 17 năm 06 tháng tù, theo Bản án số 115/2010/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/8/2019.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/3/2021 đến nay, xin vắng mặt tại phiên tòa.

2. Lưu Thành Đ, sinh ngày: 21/6/2006, tại Sóc Trăng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp M, thị trấn N, huyện O, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: Đường Q, phường P, thành phố U, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Không; con ông Lưu Bé T, sinh năm 1985 và bà Trần Thị Bích H, sinh năm 1988; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/3/2021 đến nay, xin vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Chị Trần Thị Thu H1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Đường X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Anh Phan Đức H2, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Đường Q, phường P, thành phố U, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- *Người đại diện của bị cáo Đ*: Ông Lưu Bé T, sinh năm 1985 và bà Trần Thị Bích H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Đường Q, phường P, thành phố U, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Đ*: Ông Trần Minh H - Trợ giúp viên Pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 ngày 21/02/2021, Lưu Thành Đ đang chơi game tại tiệm Internet nằm trên Đường K, phường L, thành phố Z nhưng thiếu tiền nên Đ nhắn tin cho Hồ Xuân V để mượn tiền nhưng V trả lời là không có. Sau đó, Đ đi bộ qua nhà của V thì V rủ Đ đi cướp giật tài sản, Đ đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô hiệu Exciter 135, màu xanh, biển số: 5*x*-3**4 (xe của V) chở V đi từ hướng đường Kha Vạn Cân qua nhiều tuyến đường thuộc phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức. Khi Đ chở V đang lưu thông trên đường Tô Vĩnh Diện, thì Đ thấy chị Trần Thị Thu H1 đang điều khiển xe mô tô hiệu Vision, màu xanh, biển số: 3*m*-1***3 đi ngược chiều đang nghe điện thoại, sau đó chị Hiếu bỏ chiếc điện thoại vào hộc xe dưới tay lái bên trái, Đ nói với V là “điện thoại kia”, V nói “đâu đâu” rồi Đ quay xe lại đuổi theo chị Hiếu. Khi đến trước Đường I, phường Y, thành phố Z, Đ điều khiển xe mô tô áp sát phía bên tay trái của chị Hiếu để V ngồi sau dùng tay phải giật 01 điện thoại Samsung A9, màu xanh của chị Hiếu đang để dưới hộc bên dưới tay lái bên trái, rồi Đ tăng ga tẩu thoát về hướng đường Võ Văn Ngân. Giật được điện thoại trên V và Đ đem đến cửa hàng điện thoại di động “Đức Tân 2” địa chỉ: 1083, Tỉnh Lộ 43, Khu phố 2, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bán cho anh Phan Đức H2 là chủ cửa hàng với giá 800.000 đồng. Đ và V chia nhau mỗi người 400.000 đồng rồi tiêu xài hết.

Ngày 04/3/2021, chị Trần Thị Thu H1 đến Công an phường Linh Chiểu trình báo vụ việc bị Cướp giật điện thoại di động nêu trên. Qua truy xét trích xuất camera tại tuyến đường Tô Vĩnh Diện phát hiện Lưu Thành Đ điều khiển xe mô tô biển số: 5*x*-3**4 chở Hồ Xuân V cướp giật điện thoại của chị Hiếu, nên đưa Đ và V về làm việc, Đ và V đã thừa nhận toàn bộ hành vi nêu trên. Ngoài ra, tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Đ và V khai nhận ngoài vụ cướp giật tài sản trên, còn thực hiện 02 vụ cướp giật điện thoại di động là 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo trên địa bàn thành phố Thủ Đức (hiện chưa xác minh được bị hại).

Anh Phan Đức H2 khai nhận từ ngày 21 đến ngày 25 tháng 02 năm 2021 có mua 03 điện thoại di động của V và Đ, trong đó có điện thoại di động hiệu Samsung A9 màu xanh mà V và Đ cướp giật được của chị Hiếu. Anh Hiệp đã bán 01 điện thoại di động hiệu Oppo cho khách hàng, còn điện thoại di động hiệu Samsung J7 và điện thoại di động hiệu Samsung A9 đã giao nộp lại, khi mua điện thoại của V và Đ, anh Hiệp không biết đó là tài sản phạm tội mà có.

Kết luận định giá tài sản số 38-KV3/KLĐG-HĐĐGTS ngày 19/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự thành phố Thủ Đức, kết

lượn: 01 điện thoại Samsung Galaxy A9 của chị Trần Thị Thu H1, trị giá 2.933.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô hiệu Exciter 135, màu xanh, biển số: 5*x*-3**4.
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A9.
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 (chưa xác định được bị hại, tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ).
- 01 đôi dép kẹp; 01 áo khoác màu đen.
- 01 quần Jean lưng màu xanh, 01 áo thun ngắn tay màu đen, có chữ GUCCI màu vàng sau lưng do Lưu Thành Đ giao nộp.

Xác minh xe mô tô hiệu Exciter 135, màu xanh, có gắn biển số: 5*x*-3**4, có số khung: RLCE1S9205Y000127, số máy: 1S92000127. Kết quả xác minh số khung: RLCE1S9205Y000127, số máy: 1S92000127 là của xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 70E1-366.03 do chị Nguyễn Thị Ngọc Diễm làm chủ sở hữu, chị Diễm đã bán xe mô tô trên cho một người đàn ông không rõ lai lịch, khi bán không làm sang tên. Xác minh biển số xe 5*x*-3**4, kết quả biển số này là của xe mô tô hiệu Yamaha Novo do anh Hà Vũ Sơn làm chủ sở hữu, anh Sơn đã bán xe mô tô trên cho một người đàn ông (không rõ lai lịch), khi bán không làm thủ tục sang tên. Hồ Xuân V khai mua xe mô tô hiệu Exciter 135, màu xanh, có gắn biển số: 5*x*-3**4 thông qua mạng xã hội của một người đàn ông (không rõ lai lịch) với giá 9.500.000 đồng, khi mua xe có làm giấy tờ viết tay nhưng đã làm mất. Sau đó, V đã sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện thực hiện hành vi nêu trên.

Trách nhiệm dân sự: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A9 đã trả lại cho chị Trần Thị Thu H1, chị Hiếu không có yêu cầu gì thêm. Anh Phan Đức H2 không có yêu cầu bồi thường gì.

Tại Cáo trạng số: 243/CT-VKS ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Hồ Xuân V về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Lưu Thành Đ về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức vẫn giữ quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm o khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hồ

Xuân V từ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng đến 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/3/2021.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Thành Đ từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/3/2021.

Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không yêu cầu bồi thường.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Minh H- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Đ tranh luận:

- Về tội danh: Thống nhất với Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức và luận tội của Kiểm sát viên truy tố bị cáo Lưu Thành Đ về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

- Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra; tài sản đã thu hồi, trả lại cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, khi thực hiện hành vi phạm tội là người chưa đủ 18 tuổi (14 tuổi 08 tháng), trình độ học vấn thấp (05/12) nên nhận thức pháp luật còn hạn chế... Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đ mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, đồng thời cho bị cáo có cơ hội trở thành công dân có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa, các bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên không tranh luận, không nói lời sau cùng. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 21/10/2021, các bị cáo Hồ Xuân V và Lưu Thành Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét đơn xin vắng mặt của bị cáo là hợp lệ và việc bị cáo vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt các bị cáo. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

đến vụ án vắng mặt nhưng không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng pháp luật.

[3] Xét trong quá trình điều tra và truy tố, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, hình ảnh camera, vật chứng thu giữ... cùng các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình điều tra về hành vi, thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với cáo trạng của Viện kiểm sát nên có cơ sở xác định: Khoảng 14 giờ 30 ngày 21/02/2021, Hồ Xuân V cùng với Lưu Thành Đ đã sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi công khai, nhanh chóng, bất ngờ giật 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A9, trị giá 2.933.000 đồng của chị Trần Thị Thu H1, tại trước Đường I, phường Y, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó thì bị bắt giữ.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến an toàn xã hội. Các bị cáo có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi của các bị cáo thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

Vụ án có đồng phạm nhưng giản đơn, trong đó bị cáo V là rủ rê, xúi giục và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Đ là người giúp sức tích cực.

Đối với Phan Đức H2 khi mua điện thoại, không biết đó là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên chưa đủ căn cứ xử lý về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đối với hành vi cướp giật 02 điện thoại di động của các bị cáo trên địa bàn thành phố Thủ Đức, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ.

[4] Về tình tiết định khung hình phạt:

Tài sản các bị cáo chiếm đoạt có giá trị 2.933.000 đồng, các bị cáo sử dụng xe mô tô để cướp giật tài sản nên thuộc trường hợp “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo V phạm tội thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*” quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo V là người rủ rê, xúi giục bị cáo Đ (14 tuổi 08 tháng) phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng “*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi, trả lại cho bị hại nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Đ phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi; bị cáo phạm tội lần đầu, phạm tội khi nhận thức pháp luật còn hạn chế và do bị rủ rê, xúi giục, là đồng phạm với vai trò giúp sức. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào độ tuổi, khả năng nhận thức về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm để áp dụng Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đ bằng hình phạt tù với thời hạn ngắn, nhằm giáo dục, tạo điều kiện cho bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Hội đồng xét xử đánh giá hành vi của bị cáo V là rất nghiêm trọng, bị cáo dùng thủ đoạn nguy hiểm khi thực hiện tội phạm, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, xúi giục bị cáo Đ là người dưới 18 tuổi phạm tội nên cần phải xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô hiệu Exciter 135, màu xanh, có gắn biển số: 5*x*-3**4, có số khung: RLCE1S9205Y000127, số máy: 1S92000127 do bị cáo V khai mua thông qua mạng xã hội của một người đàn ông (không rõ lai lịch) và bị

cáo sử dụng xe này là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 đôi dép kẹp màu đỏ, quai đen ghi chữ AJ; 01 áo khoác màu đen, lưng có chữ A; 01 quần Jean lửng, màu xanh; 01 áo thun ngắn tay màu đen, có chữ GUCCI màu vàng sau lưng: Xét đây là các tài sản không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[8] Ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Đ là phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người bào chữa cho bị cáo Đ, người đại diện của bị cáo Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Hồ Xuân V** và **Lưu Thành Đ** phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ vào điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm o khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Hồ Xuân V**: 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/3/2021.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Lưu Thành Đ**: 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/3/2021.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô hiệu Exciter 135, màu xanh, có gắn biển số: 5*x*-3**4, có số khung: RLCE1S9205Y000127, số máy: 1S92000127.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 đôi dép kẹp màu đỏ, quai đen ghi chữ AJ; 01 áo khoác màu đen, lưng có chữ A; 01 quần Jean lửng, màu xanh; 01 áo thun ngắn tay màu đen, có chữ GUCCI màu vàng sau lưng.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 121/QĐ-VKSTĐ ngày 05/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức và Phiếu nhập kho số: NKT2021/185 ngày 09/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc các bị cáo Hồ Xuân V và Lưu Thành Đ mỗi bị cáo nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Các bị cáo, người đại diện của bị cáo Đ, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

- Người bào chữa cho bị cáo Đ có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an thành phố Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Phòng PV06, PC10 - Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Anh Ngọc